

## LỊCH SỬ NƯỚC TÀU

Nước Tàu là nước ở phía Bắc nước Văn Lang (Việt chứ không phải Việt Nam). Vào khoảng năm 1930 chữ tàu mang chữ Á dùng để chỉ phương tiện chuyên-chở chạy bằng máy do người sáng tạo ra. Tàu thủy chỉ có sau năm 1802, còn thuyền thì có từ trên 10.000 năm nay. Người Tàu, nước Tàu là danh từ dưới thời Triệu Đà vào năm 183 trước thiên chúa để đối kháng với danh từ Trung Hoa (trung tâm tinh hoa của vũ-trụ) do Lã Hậu đặt ra để gây chiến và sát hại quần-thần đối-lập vì bà ta cướp quyền của con sau khi Lưu Bang chết. Do đó mới đẻ ra danh từ Nam Di, Tây Quý, Bắc Rợ; tức là chỉ có bà là con trời nên mới ở đất Trung Nguyên: Nơi tinh hoa của vũ trụ. **Không hiểu vì lý do gì mà nay viết lộn ngược để lẫn 2 chữ với nhau.** Theo tiếng Việt, chữ Tàu là thằng ngổ, vợ thằng ngổ là con lừa (mụ Xẩm) xâm-xâm tối nhìn không rõ. Thời nhà Chu không có danh từ Nam Di, Bắc Rợ, Tây Quý; chỉ thấy nói là người Việt phương Nam đem biếu mu rùa, chim trĩ. Người Tàu là hậu duệ của dân du-mục từ Trung Đông di qua thuộc nhiều sắc dân, trong đó **tuyệt nhiên không có dân HÁN.** Hán là Triều Đại do Lưu Bang đẻ ra vào năm **203** trước Tây Lịch vì nhu-cầu chánh-trị của ông ta. Đáng lý miếu hiệu phải là **Lưu Thái Tổ** chứ không thể là **Hán Cao Tổ** được. Ông cải danh thành họ Hán là vì chức Hán Vương do Hạng Võ phong được nhiều người biết đến, còn họ Lưu thì mất thứ. Ngoài ra ông dành chữ Thái để tôn bố ông khi làm lễ Hiếu để nhớ ơn cha là do chính ông đặt ra để tự đề cao gia đình nhà mình. Vào 5.500 năm trước đây thì vùng đất này thuộc dân Nông Nghiệp; Miêu tộc. Miêu có nghĩa là Mễ (ngũ cốc), người Tàu phát âm thành MAN; người Việt chuyển âm thành MÁN. Vì người Ngô gây hấn nên nước Sở và nước Việt phải lập binh-đội để tự-vệ. Học-thuyết lập quốc của dân Việt là Rồng Tiên (**tu-vê**), của dân Sở là Vô-Vi (**tu-vê**), của dân Ngô là Thiên Tử (**xâm lãng**). Lúc này người Tàu chưa có, nước Tàu cũng không. Đồng bằng Bắc Việt và Nam Việt cũng chưa có (sẽ nói sau). Nước Chăm thành lập vào năm 43 sau thiên chúa; nước Thủy Chân Lạp (Cambodia) thành lập vào thế kỷ thứ 6 sau thiên chúa với những lý do và nhu-cầu khác nhau (chưa bàn ở đây).

- Cương vực nước Ngô là Chiết Giang, Phúc Kiến, Giang Tây và Hồ Nam ngày hôm nay. Tức ở giữa sông Dương Tử (**Thượng Hải**) và sông Tây Giang (**Hương Cảng**), phía Tây giáp ranh với dãy núi Hoài (**Hồ Động Đình**). Lý do nào đã thúc đẩy nước Ngô tiến về phương Nam và phương Tây mà không tiến lên phương Bắc sẽ nói trong dịp khác (sự bành trướng của dân du-mục) (**b20;b24**).
- Cương vực của nước Việt (gồm 15 tiểu bang) là từ phía Nam sông Tây Giang đến tận đèo Hải Vân ngày hôm nay; khi trước gọi là Ai Vân, tức cửa ải luôn luôn có mây bao trùm. Phía Tây đến tận sông Cửu Long. Quốc hiệu Văn Lang, thể chế Dân Chủ Phân Quyền: **Lệnh vua còn thua lệ làng** (§ **b13, b24**)
- Cương vực nước Sở từ dãy núi Hoài đến cao nguyên Tây Tạng (§**b13;b18**)
- **Lịch** (xin coi bài Việt Lịch): Dân nông-nghiệp theo lịch nhà nông tính theo Sao. Dân du-mục tính theo **Trăng**. Người Tây Phương tính theo **Mặt Trời**.
- **Cách tính năm**: Tuy cách tính khác nhau nhưng ai ai cũng lấy năm làm đơn vị, dù điểm mốc là cuối năm cũng tính đó là năm Thứ Nhất (không có năm thứ Zéro). Dân Việt tính từ ngày lập nước Văn Lang. Dân du-mục tính theo Triều Đại, ngày làm lễ đăng-quang. Dân Tây Phương tính theo ngày sanh của Jésus-Christ

- 1.700(?)**-1.500 (BC)....Nhà **Hạ** (XIA) **chưa có tổ chức xã-hội**. Địa bàn: Lưu vực sông Hoàng Hà, mạnh ai nấy sống giữa du-mục và nông nghiệp tại chỗ. Nhà Hạ là dân du-mục từ Trung Đông di tới.
- 1.500-1.122 (BC) Nhà **Thương** (SHANG) , từ Trung Đông di tới. Địa bàn: Lưu vực sông Hoàng Hà. **Có tổ chức xã-hội**; chung sống hòa bình với dân nông nghiệp tại chỗ. Thời điểm phát sinh ra chữ Tượng Hình và Tượng Ý. **Hậu duệ Đế Nghi** (huyền sử, §b24)
- 1.122-771 (BC) Nhà **Tây Chu** (ZHOU de l'OUEST): Diệt Thương, đốt sách; con cháu nhà Thương phải qua Mỹ bằng ngả ALASKA, tức dân da Đỏ. Chia làm 2 giai cấp: Thống trị (dân du-mục từ Trung Đông di tới) và Bị-trị là dân nông nghiệp tại chỗ. Đề ra chế độ Phong Kiến để chia nhau mà cai-trị theo luật của mình Nhìn (kiến) trên bản đồ rồi phong cho vùng tự trị.
- 771-481 (BC) Nhà **Đông Chu** thời **Xuân Thu** (Printemps) (§b13).
- 481-221 (BC) Nhà **Đông Chu** thời **Chiến Quốc**, 7 nước đánh nhau.
- 221-208 (BC) Nhà **Tần** (QIN): Tần Thủy Hoàng (**Hàm Dương**), cùng thời với:
  - Thục Phán (Việt) (§b21)
  - Nhâm Ngao-Triệu Đà (người Việt gốc Ngô)-Kháng chiến
- 208-207 (BC) **Hạng Võ** giải-phóng nước Sở tiến vào Hàm Dương, cùng thời với: **Triệu Đà dứt Thục Phán** đặt quốc hiệu là **Nam Việt**.: Phía Nam sông Dương Tử là của người Việt (chưa có Hán).
- 206-203 (BC) **Lưu Bang dấy nghiệp**, thôn tóm đất nhà CHU (ZHOU); sau khi Hạng Võ bỏ đất Tần lui binh về Sở (§b15).
- 203-185 (BC) **Lưu Bang diệt Sở** lập lên nhà **Tây Hán**; rồi xin hiệp thương với Triệu Đà. Chấp nhận phân ranh Bắc Hán, Nam Việt. Hai bên giao-hảo để phát triển kinh tế (§b21, kinh đô: **Tràng An**).
- 185-**\*183** (BC) **Lưu Bang chết**, Lã Hậu (vợ Lưu Bang) cướp ngôi, nhốt con vào tù, đánh chiếm Tràng Sa (Hò Nam) của Triệu Đà (§b21)
- \*182**-181 (BC) **Triệu Đà phản công**, Lã Hậu tái chiếm nhưng thất bại (§b20)
- \*180**-111 (BC) **Triều thần giết Lã Hậu**, phục chức Thái Tử; Thái Tử xin lập lại bang giao với Triệu Đà; phát-triển kinh-tế.
- \*111**(BC)-30(AC) **Mãng Vương cướp quyền** vì Tây Hán đem binh đi diệt nhà Triệu, tiến đánh nước Nam. Quân viễn-chinh kéo về. Hai bên giao tranh **trong suốt 141 năm** . **Giao Châu độc lập**.
- \*\*30**-222 (AC) **Đông Hán** lấy lại quyền lực, di đô sang phía Đông (**Lạc Dương**) Năm 39 sai Tô Định sang đánh nước Việt bị thua, bèn cử Mã Viện sang phục thù (§b21, kinh đô:**Lạc Dương**)
- 222-265 **Tam Quốc**: Nước Tàu chia 3 thành thế chân vạc. Nước Ta thoát ra, đó là thời Sỷ Vương, người Âu Việt (Quảng Tây). Giao Châu (Bắc Việt ngày nay) là đất bình yên cho nhân tài đến tỵ nạn binh đao triền miên trên lục địa nước Tàu.
- 265-420 Nhà **Tấn**: Lực lượng mạnh nhưng chưa đủ để cai-trị toàn cõi.
- 420-589 **Nam Triều** (7 vùng độc-lập); **Bắc Triều** (6 vùng độc-lập)
- 589-600 Nhà **Tùy** (SUI) có 11 năm mà bắt dân đào kinh, du thuyền đi từ Tianjin (Đông Nam Bắc Kinh) đến Rongyan, Thượng Hải, cuối cùng là **Hàng Châu** (§b16)

- 600-608  
608-907 **Đại Loạn**, chiến tranh triền miên (b18;b19)  
Nhà **Đường** (TANG). Giặc Cao Biền tạm chiếm vùng ven biên đến tận Thanh Hóa. Từ Thanh Hóa vào đèo Hải Vân là chiến khu Lâm Ấp thuộc lãnh vực Việt Thường. Quân Lâm Ấp và quân Nam Chiếu (tức U Việt thuộc Vân Nam) thường đem quân về giải cứu; vì thế quân Tàu phải rút về đồn khi tới đến (§b17).
- 907-959 **Ngũ Đại** (hay Ngũ Quý) đánh nhau không ngừng ở vùng ven biên Quảng Đông: **Ngô** (WU); **Ngô-Việt** (WU YUE); **Sở** (CHU) và **Nam HÁN** (HAN DU SUD). Bên ta: Thời ông Dương Diên Nghệ; Ngô Quyền - Đinh Tiên Hoàng. (b18;b23)
- 907-1.125** Trong thời Ngũ Đại thì ở phía Bắc sông Hoàng Hà là nhà **LƯƠNG** (Empire des LIAO) và nhà **HÀN CHU** (Empire des XIXIA. Phía Tây ở đầu nguồn: HOÀNG HÀ; DƯƠNG TỬ GIANG và TÂY GIANG thuộc **OUÏGOURS HUANG TOU** và **Vương Quốc Thục** (Rouyame TUBO) (b19)
- 959-1.278 Phía Nam sông Dương Tử thì nhà **Tống** (SONG) dẹp phân tranh, lập lại uy-quyền; tính xâm lăng Giao Chỉ thì bị Lý Thường Kiệt tiên đánh châu Ung và châu Liêm (Lưỡng Quảng)
- 1.278-1.341 **Nô lệ**: Nhà **Nguyên** (Mông Cổ) sang chiếm đặt nền Đô-Hộ.
- 1.341-1.368 **Đại Loạn**, quân hồi vô lệnh. Giặc cướp tứ tung.
- 1.368-1.628 Nhà **Minh** (người Ngô) nắm quyền. Bên ta là nhà Hồ-nhà Lê
- 1.628-1.911 **Tái nô**: Nhà **Thanh** (Mãn Thanh) thống-trị. Bên ta là Trịnh Nguyễn phân tranh, Tây Sơn thống-nhất; rồi Gia Long mời Tây qua để Đô-Hộ dân ta.
- 1.911-1.930 **Cách mạng Tam Dân** của Tôn Dật Tiên chống Nhật.  
 Bên ta: nô-lệ Pháp.
- 1.930-1.949 **Tôn Văn chét**; đảng chia đôi Quốc (Tuờng) Cộng (Mao).  
 Bên ta:
- 09/3/1945: Nhật bắt Tây bỏ tù, trao trả độc lập cho ta. (Chánh Phủ Trần trọng Kim, cờ Quẻ Ly).
  - 02/9/1945: **Việt Minh cướp quyền** trong tay **chánh** phủ Trần Trọng Kim chứ không phải trong tay thực dân Pháp hay Phát-xít Nhật.
  - Việt Minh đem chiến tranh tới giết hại 2 triệu thanh niên nam và nữ, và 10 triệu người tàn phế của cả đôi bên.
  - **Dân Việt lãnh đủ hậu quả chơi ngông của "Bác Hồ"**. Hậu quả: Tụt hậu và đời ngày tiêu vong!!
- 1.949-2009** **Mao đánh chiếm lục-địa**, Tưởng chạy qua đảo Đài Loan . Thắng bại thì đời hạ hồi phân giải. Đài Loan là một đảo độc lập, bị Nhật chiếm đóng trong đệ nhị Thế Chiến; sau đó trả cho Mỹ...rồi Mỹ trao lại cho Tàu Tưởng vào năm 1949.

---

**Nguồn gốc các bản đồ và sử liệu : Cương vực nhà Hán (Pékin vẽ năm 1997), La Gloire des Empereurs (Tàu viết năm 2001), Sử Trần Trọng Kim (viết trong thời nô lệ Pháp) và ông Đặng Vũ Nhuế ty nạn (Paris 1975-2002).**